Jinapañjara

CHIẾC LỒNG CỦA ĐỨC JINA

(Phiên bản Sri Lanka)

Việt dịch: Tống Phước Khải

PHẦN TIẾNG VIỆT

1.
Những vị anh hùng, ngồi trên những chiếc ghế chiến thắng,
Đã đánh bại Māra cùng với tùy tùng của hắn,
Những vị chúa tể nhân loại đó đã uống
Nước cam lồ của tứ thánh đế.
2.
Những Đức Phật, Taṇhaṅkara và những vị khác,
Hai mươi tám vị thượng thủ,
Những bậc đứng đầu của những hiền nhân,
Tất cả vị này, ngự vững chắc ở trên đầu.
3.
Phật được thiết lập trên đầu,
Pháp thì ở trong mắt,
Tăng được thiết lập
Ở trong ngực, nguồn gốc của đức hạnh.
4.
Trong tim là Anuruddha,
Sāriputta ở bên phải,
Koṇḍañña ở phía sau,
Moggallāna ở bên trái.
5.
Ở trong tai phải
Là Ānanda và Rāhula,
Kassapa và Mahānāma
Cả hai ở trong tai trái.
6.
Ở khắp mái tóc sau đầu,
Ánh sáng tỏa chiếu như mặt trời,
Được ngự bởi vị nắm giữ vận may,
Sobhita, bậc thánh thiện trong các hiền giả.
7.
Tên vị ấy là Kumārakassapa,
Hiền giả vĩ đại, bậc đại hùng biện,
Ở trong miệng luôn luôn
Ngài ngự đó, cội nguồn bao đức hạnh.
8.
Puṇṇa và Aṅgulimāla,
Upāli, Nanda và Sīvalī,

Năm trường lão hiện ra
Trên trán như biểu tượng cát tường.
9.
Tám mươi đại trưởng lão còn lại,
Các bậc chiến thắng, đệ tử của Đức Jina,
Tỏa sáng với năng lực của đức hạnh
Ngự trên các chi khác nhau.
10.
Kinh Ratana trước mặt,
Kinh Metta bên phải;
Kinh Dhajagga phía sau,
Kinh Aṅgulimāla bên trái.
11.
Hộ chú Khandha và Mora
Và kinh Āṭānāṭiya
Trở thành mái che trên hư không;
Các kinh còn lại tạo nên thành lũy.
12.
Mỗi khi làm bốn công việc,
Đều ở trong chiếc lồng của Đức Phật,
Được gia cố bằng quyền năng của Đức Jina,
Được trang nghiêm bởi thành lũy của Pháp.
13.
Do năng lực của đức hạnh vô hạn,
Những phiền não bên ngoài và bên trong
Nổi lên bởi gió, mật…
Đều bị vô hiệu không chút dư sót.
14.
Ở trong chiếc lồng của Đức Jina,
Cư ngụ trên cõi đất,
Mong rằng tất cả các Bậc Đại Thánh Thiện
Hãy luôn luôn hộ trì.
15.
Vì vậy luôn luôn được hộ trì,
Tai ương bị chinh phục bởi sức mạnh của Đức Jina,
Và quân thù bị dẹp tan bởi sức mạnh của Phật,
Sống được bảo vệ bởi Chánh Pháp.
16.
Vì vậy luôn luôn được hộ trì,
Tai ương bị chinh phục bởi sức mạnh của Đức Jina,
Và quân thù bị dẹp tan bởi sức mạnh của Pháp,
Sống được bảo vệ bởi Chánh Pháp.
17.
Vì vậy luôn luôn được hộ trì,
Tai ương bị chinh phục bởi sức mạnh của Đức Jina,
Và quân thù bị dẹp tan bởi sức mạnh của Tăng
Sống được bảo vệ bởi Chánh Pháp.

18.
Được bao bọc bởi thành lũy của Chánh Pháp,
Tám bậc Thánh ở tám hướng,
Giữa là tám Hộ thế,
Phía trên là các Đức Jina, như tán cây che chở,
19.
Đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề và đánh thắng đội quân của Māra, ngự trên đỉnh đầu.
Đức Moggallāna ngự trên vai trái và Đức Sāriputta ngự trên vai phải.
Đức Pháp ngự ở giữa tim.
Đức Bồ Tát, từng sinh ra làm Khổng Tước và tỏa sáng như một Đấng Bảo Hộ duy nhất của thế gian, che chắn trên hai bàn chân.
20.
Tất cả các điều rủi, điều hại, điềm gỡ,
Tất cả tai ương, bệnh tật, sao hạn, và lời rủa
Tất cả điều chướng, mối nguy, ác mộng, và khó chịu,
Mong tất cả đều bị xua tan bởi năng lực của Đức Phật.
21.
Tất cả các điều rủi, điều hại, điềm gỡ,
Tất cả tai ương, bệnh tật, sao hạn, và lời rủa trách
Tất cả điều chướng, mối nguy, ác mộng, và khó chịu,
Mong tất cả đều bị xua tan bởi năng lực của Đức Pháp.
22.
Tất cả các điều rủi, điều hại, điềm gỡ,
Tất cả tai ương, bệnh tật, sao hạn, và lời rủa
Tất cả điều chướng, mối nguy, ác mộng, và khó chịu,
Mong tất cả đều bị xua tan bởi năng lực của Đức Tăng.

PHẦN TIẾNG PĀḶI:
1.
jayāsanagatā vīrā
jetvā māraṃ savāhiṇiṃ
catusaccāmatarasaṃ
ye piviṃsu narāsabhā
2.
taṇhaṅkarādayo buddhā
aṭṭhavīsati nāyakā
sabbe patiṭṭhītā tuyhaṃ
matthake te munissarā
3.
sire patiṭṭhitā buddhā
dhammo ca tava locane
saṅgho patiṭṭhito tuyhaṃ
ure sabbaguṇākaro
4.
hadaye anuruddho ca
sāriputto ca dakkhiṇe
koṇḍañño piṭṭhibhāgasmiṃ

moggallāno'si vāmake
5.
dakkhiṇe savaṇe tuyhaṃ
āhuṃ ānandarāhulā
kassapo ca mahānāmo
ubho'suṃ vāmasotake
6.
kesante piṭṭhibhāgasmiṃ
suriyo viya pabhaṅkaro
nisinno sirisampanno
sobhito munipuṅgavo
7.
kumārakassapo nāma
mahesī citravādako
so tuyhaṃ vadane niccaṃ
patiṭṭhāsi guṇākaro
8.
puṇṇo aṅgulimālo ca
upālīnandasīvalī
therā pañca ime jātā
Lalāṭe tilakā tavā
9.
sesāsīti mahātherā
vijitā jinasāvakā
jalantā sīlatejena
aṅgamaṅgesu saṇṭhitā
10.
ratanaṃ purato āsi
dakkhiṇe mettasuttakaṃ
dhajaggaṃ pacchato āsi
vāme aṅgulimālakaṃ
11.
khandhamoraparittañca
ātānāṭiyasuttakaṃ
ākāsacchadanaṃ āsi
sesā pākārasaññitā
12.
jināṇābalasaṃyutte
dhammapākāra'laṅkate
vasato te catukiccena
sadā sambuddhapañjare

13.
vātapittādisañjātā
bāhirajjhatt'upaddavā
asesāvilayaṃ yantu
anantaguṇatejasā

14.
jinapañjaramajjhaṭṭhaṃ
viharantaṃ mahītale
sadā pālentu tvaṃ sabbe
te mahāpurisāsabhā
15.
iccevam-accantakato surakkho
jinānubhāvena jitūpapaddavo
buddhānubhāvena hatārisaṅgho
carāhi saddhammanubhāvapālito
16.
iccevam-accantakato surakkho
jinānubhāvena jitūpapaddavo
dhammānubhāvena hatārisaṅgho
carāhi saddhammanubhāvapālito
17.
iccevam-accantakato surakkho
jinānubhāvena jitūpapaddavo
saṅghānubhāvena hatārisaṅgho
carāhi saddhammanubhāvapālito
18.
saddhammapākāraparikkhito'si
aṭṭhāriyā aṭṭhadisāsu honti
etthantare aṭṭhanāthā bhavanti
uddhaṃ vitānaṃ'va jinā ṭhitā te

19.
bhindanto mārasenaṃ tava sirasi ṭhito bodhim-āruyha satthā
moggallāno'si vāme vasati bhujataṭe dakkhiṇe sāriputto
dhammo majjhe urasmiṃ viharati bhavato mokkhato morayoniṃ
sampatto bodhisatto caraṇayugagato bhānulok'ekanātho.
20.
sabbāvamaṅgalam-upaddavadunnimittaṃ
sabbītirogagahadosam-asesanindā
sabb'antarāyabhayadussupinaṃ akantaṃ
buddhānubhāvapavarena payātu nāsaṃ.
21.
sabbāvamaṅgalam-upaddavadunnimittaṃ
sabbītirogagahadosam-asesanindā
sabb'antarāyabhayadussupinaṃ akantaṃ
dhammānubhāvapavarena payātu nāsaṃ.
22.
sabbāvamaṅgalam-upaddavadunnimittaṃ
sabbītirogagahadosam-asesanindā
sabb'antarāyabhayadussupinaṃ akantaṃ
saṅghānubhāvapavarena payātu nāsaṃ.